

Số: 165/2021/VHNGĐ-ST

Thành phố Vinh, ngày 05 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào điều 32, 33, 34, 35 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải lập ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa những người yêu cầu:

- **Bà Bùi Thị Kim V**; Sinh năm: 1965; Nơi ĐKKHKT: Khối 5, phường Q, thành phố V, tỉnh NA; Chỗ ở hiện nay: Khối 2, phường Q, thành phố V, tỉnh NA.

- Và **Ông Nguyễn Văn D**; Sinh năm: 1960; Nơi ĐKKHKT: Khối 5, phường Q, thành phố V, tỉnh NA; Chỗ ở hiện nay: Chung cư N, Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh NA.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thành đã được ghi nhận tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận các nội dung hòa giải thành như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Kim V và ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Kim V và ông Nguyễn Văn D thống nhất vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Xuân T; Sinh ngày: 11/02/2005.

Ly hôn, bà Bùi Thị Kim V và ông Nguyễn Văn D cùng thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Xuân T; Sinh ngày: 11/02/2005 cho bà Bùi Thị Kim V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân T cùng bà Bùi Thị Kim V mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Kể từ ngày bà Bùi Thị Kim V có đơn yêu cầu thi hành án cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, nếu ông Nguyễn Văn D không chịu thi hành thì hàng tháng ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

6. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- VKS thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- Các đương sự
- UBND xã Nghi Phong, Nghi Lộc, Nghệ An
(theo Giấy CNKH số 18, ngày 11/4/2003)
- Lưu HS

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thanh Nga